

## KẾ HOẠCH

### **Thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo từ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025**

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn NSNN thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Nghệ An: số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/11/2022 quy định về nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số 51/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 về việc điều chỉnh phân bổ kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 và số 07/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Dự án 2 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 1893/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 về việc giao kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm



nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 tỉnh Nghệ An; số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 quy định về tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển cộng đồng thuộc các Chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số 3645/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 về việc điều chỉnh giao kinh phí chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 và số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 về việc giao nhiệm vụ triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025;

UBND xã xây dựng kế hoạch thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo từ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt và chỉ đạo thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo từ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 tới cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc, các phòng ngành, đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân trên địa bàn các xã, thị trấn nhằm nâng cao nhận thức, phát huy tinh thần, trách nhiệm, tính chủ động sáng tạo trong quá trình thực hiện.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền để triển khai kịp thời, có hiệu quả Đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025, góp phần quan trọng vào mục tiêu thoát nghèo của xã trong năm 2025 và những năm tiếp theo.

3. Phát huy cao nội lực phấn đấu của người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); Hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

## II. MỤC TIÊU

Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững giúp người nghèo, cận nghèo và các đối tượng dễ bị tổn thương có thêm cơ hội cải thiện cuộc sống thông qua việc phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, và chuyển giao khoa học, công nghệ.

### III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN.

#### 1. Đối tượng áp dụng

a) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn xã.

b) Hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) Tổ chức và cá nhân có liên quan

**2. Phạm vi:** Trên địa bàn xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

**3. Thời gian:** Năm 2025

### IV. NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC, KINH PHÍ

#### 1. Nội dung hỗ trợ

1.1. Đối với dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

Thực hiện theo quy định tại quy định khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Riêng các dự án, kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thực hiện theo quy định tại các quy định nêu trên và Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

1.2. Đối với dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Riêng các dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trong lĩnh vực nông nghiệp thực hiện theo quy định nêu trên và quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND.

#### 2. Mức hỗ trợ

**2.1. Mức hỗ trợ chung theo dự án, kế hoạch, phương án sản xuất nông nghiệp**

- Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của chương trình. Mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 05 tỷ đồng.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất trên địa bàn đặc biệt khó

khăn; không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của chương trình. Mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất tối đa không quá 05 tỷ đồng.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 03 tỷ đồng. Trong đó, tối thiểu 70% phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được dùng để hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất của người dân.

## **2.2. Mức hỗ trợ cụ thể**

\* Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật và hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình: Tối đa 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện dự án, mô hình, kế hoạch, phương án sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt tương ứng với từng nguồn vốn. cụ thể như sau:

- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND tỉnh về việc quy định một số mức chi công tác phí, tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả:

+ Chế độ công tác phí cho cán bộ thực hiện theo quy định tại Điều 2 nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND;

+ Hỗ trợ cho cán bộ (ngoài tiền công tác phí theo chế độ quy định): 35.000 đồng/người/buổi thực địa.

\* Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo các lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản) tối đa cụ thể như sau:

- Hộ nghèo: 15 triệu đồng/hộ/dự án, kế hoạch, phương án sản xuất;

- Hộ cận nghèo: 14 triệu đồng/hộ/dự án, kế hoạch, phương án sản xuất;

- Hộ mới thoát nghèo, hộ có người khuyết tật (không có sinh kế ổn định): 13 triệu đồng/hộ/dự án, kế hoạch, phương án sản xuất.

\* Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và hỗ trợ khác: Tối đa 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện dự án, mô hình, kế hoạch, phương án sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt tương ứng với từng nguồn vốn.

**3. Kinh phí thực hiện:** Tổng kinh phí NSNN hỗ trợ dự án, kế hoạch: **534.800.000 đồng (Năm trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng)**. Nguồn vốn được bố trí tại Quyết định số 3645/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh giao kinh phí chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025.

**4. Tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển cộng đồng**

Thực hiện theo Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh Quy định về tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển cộng đồng thuộc các Chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An, trong đó:

#### 4.1. Tỷ lệ quay vòng vốn

Tỷ lệ quay vòng vốn đảm bảo mức 5% so với vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho hộ dân, trường hợp quay vòng bằng hiện vật thì tính theo giá trị của hiện vật được hỗ trợ quy đổi ra tiền đảm bảo tỷ lệ này (tính theo giá của hiện vật do UBND cấp xã thông báo tại thời điểm quay vòng)

#### 4.2. Quay vòng vốn

Sau khi hộ gia đình có thu nhập từ sản phẩm được hỗ trợ thì hộ đó có trách nhiệm nộp tiền hoặc hiện vật theo tỷ lệ quay vòng vốn cho cộng đồng để cộng đồng tiến hành các bước bình xét và luân chuyển. Thời gian nộp tiền hoặc hiện vật chậm nhất là 03 năm kể từ ngày được nhận hỗ trợ

- Trường hợp quay vòng bằng tiền mặt: Sau khi thu từ các hộ dân, đại diện cộng đồng nộp về tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng thương mại của cơ quan, đơn vị được giao vốn.

- Trường hợp quay vòng bằng hiện vật: Cộng đồng dân cư giao cho các hộ tự nuôi dưỡng, bảo quản cho đến khi tiến hành luân chuyển cho hộ khác.

### V. NGUYÊN TẮC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

#### 1. Nguyên tắc

- Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân.

- Tổ chức thực hiện dự án, kế hoạch, phương án sản xuất phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hoá, phong tục tập quán tốt đẹp của từng địa phương gắn với củng cố an ninh, quốc phòng.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án, kế hoạch, phương án sản xuất. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện dự án, kế hoạch, phương án sản xuất.

#### 2. Giải pháp

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp. Xác định rõ giảm nghèo bền vững là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước. Xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Tập trung đơn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cộng đồng dân cư (nhóm hộ/tổ hợp tác/tổ, nhóm cộng đồng), chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo từ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025, góp phần quan trọng vào mục tiêu thoát nghèo của xã trong năm 2025, đảm bảo giải ngân nguồn vốn kế hoạch được giao kịp thời, đúng quy định.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xây dựng dự án, kế hoạch, phương án sản xuất. Động viên, khuyến khích hộ nghèo vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp các cấp.

- Tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành trong tổ chức triển khai thực hiện dự án, kế hoạch, phương án sản xuất và công tác kiểm tra, giám sát trên địa bàn xã.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Phòng Kinh tế

Theo dõi, tổng hợp, hướng dẫn các xóm, cộng đồng dân cư (nhóm hộ/tổ hợp tác/tổ, nhóm cộng đồng), chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) trong quá trình thực hiện.

Hướng dẫn cộng đồng dân cư (nhóm hộ/tổ hợp tác/tổ, nhóm cộng đồng), chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) trong quá trình thực hiện.

### 2. Phòng văn hóa, trung tâm PVHCC

Thông báo rộng rãi kế hoạch trên các phương tiện truyền thông (đài phát thanh cấp xã) hoặc trên trang điện tử của xã (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị. *Dung*

Nơi nhận: ✓

- TT Đảng ủy, TT HĐND xã (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (B/c);
- Phòng Kinh tế, phòng VH-XH;
- Trung tâm PVHCC xã;
- Lưu VT. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Cường